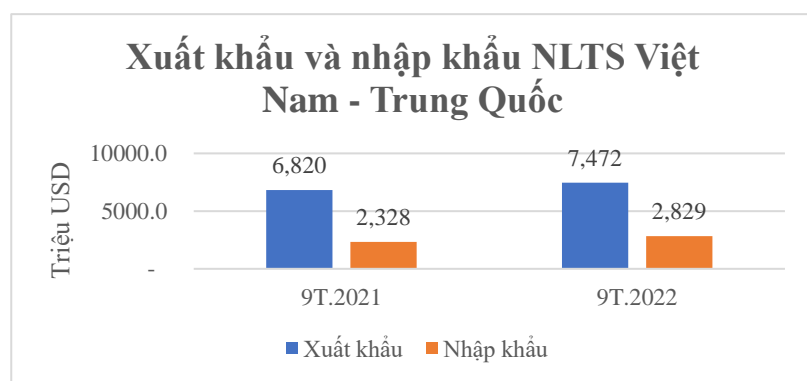


# BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN

## Thị trường **TRUNG QUỐC**

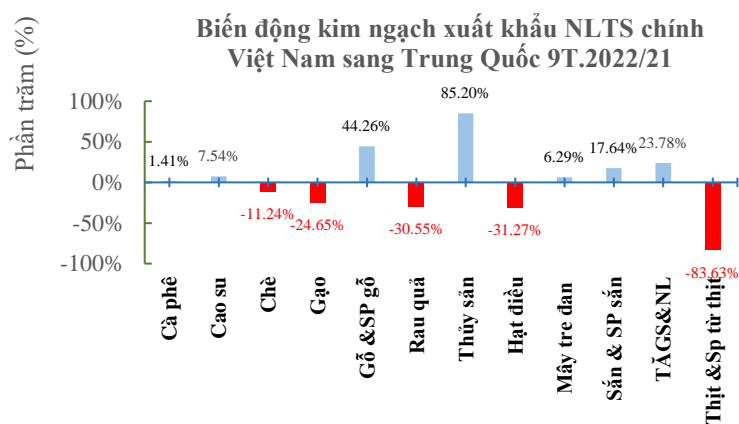


### TÌNH HÌNH CHUNG



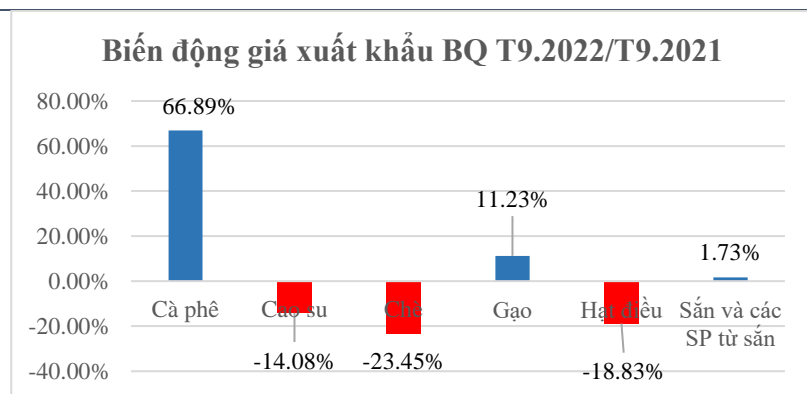
**So sánh xuất nhập khẩu NLTS chính Việt Nam - Trung Quốc (9T- 2022/2021)**

- Xuất khẩu ▲ 09,57%
- Nhập khẩu ▲ 21,48%



**So sánh 9T-2022/2021**

- Cà phê ▲ 01,41%
- Cao su ▲ 07,54%
- Chè ▼ 11,24%
- Gạo ▼ 24,65%
- Gỗ và SP gỗ ▲ 44,26%
- Rau quả ▼ 30,55%
- Thủy sản ▲ 85,20%
- Hạt điều ▼ 31,27%
- Mây tre đan ▲ 06,29%
- Sắn và SP sắn ▲ 17,64%
- TĂGS và NL ▲ 23,78%
- Thịt & SP từ thịt ▼ 83,63%



**So sánh giá xuất khẩu tháng 9.2022/2021**

- Cà phê ▲ 66,89%
- Cao su ▼ 14,08%
- Chè ▼ 23,45%
- Gạo ▲ 11,23%
- Hạt điều ▼ 18,83%
- Sắn & SP sắn ▲ 01,73%

## TỔNG QUAN TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

Theo Cục Thống kê Quốc gia Trung Quốc, tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của Trung Quốc trong quý 3/2022 đã tăng 3,9% so với cùng kỳ năm 2021, cao hơn mức dự báo của Reuters (3,4%). Doanh số bán lẻ tháng 9 tăng 2,5% so với cùng kỳ năm 2021, thấp hơn mức 5,4% của tháng 8 và thấp hơn so với kỳ vọng 3,3%. Tỷ lệ thất nghiệp tại thành thị tăng lên 5,5%. Riêng với nhóm người trẻ, độ tuổi 16 - 24, con số này là 17,9%. Trong khi đó, sản lượng công nghiệp tăng 6,3%, vượt xa dự báo là 4,5%. Đầu tư vào tài sản cố định tăng 5,9% trong 9 tháng đầu năm, tương đương dự báo.

Theo đại diện Cơ quan Quản lý Dự trữ và Ngũ cốc Quốc gia Trung Quốc, nước này đã tăng cường khả năng đảm bảo an ninh lương thực trong thập kỷ qua, với sản lượng ngũ cốc hàng năm cao hơn và thị trường hoạt động ổn định. Sản lượng ngũ cốc của Trung Quốc đã duy trì trên 650 triệu tấn trong 7 năm liên tiếp. Năm 2021, con số này đạt kỷ lục mới 682,85 triệu tấn. Bằng chứng về khả năng đảm bảo an ninh lương thực, diện tích đất canh tác của Trung Quốc là 128 triệu ha, các kho tiêu chuẩn của nước này có sức chứa 700 triệu tấn ngũ cốc và số lượng doanh nghiệp chế biến ngũ cốc trong trường hợp khẩn cấp ở Trung Quốc là 6.000. Trong bối cảnh thị trường lương thực toàn cầu bất ổn trong những năm gần đây, thị trường Trung Quốc vẫn duy trì hoạt động ổn định và đủ nguồn cung, đáp ứng hiệu quả nhu cầu của người dân và góp phần phát triển kinh tế lành mạnh và ổn định xã hội.

Xuất khẩu nông lâm thủy sản (NLTS) chính của Việt Nam sang Trung Quốc trong 9 tháng đầu năm 2022 đạt 7,47 tỷ USD, tăng 9,57% so với cùng kỳ năm 2021; kim ngạch nhập khẩu NLTS từ Trung Quốc đạt 2,83 tỷ USD, tăng 21,48%. Tính riêng tháng 9/2022, kim ngạch xuất khẩu NLTS chính đạt 834,0 triệu USD, giảm 13,5% so với tháng trước và tăng 21,8% so với cùng kỳ năm 2021.

Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang Trung Quốc trong tháng 9/2022 là cao su (chiếm 24,9%), gỗ và sản phẩm từ gỗ (chiếm 22,5%), thủy sản (chiếm 17,5%), rau quả (chiếm 11,1%), sắn và sản phẩm sắn (chiếm 9,4%), gạo (chiếm 6,0%), hạt điều (chiếm 4,2%), thức ăn gia súc và nguyên liệu (chiếm 2,9%), v.v trong tổng xuất khẩu NLTS sang Trung Quốc. So với tháng 8/2022, xuất khẩu một số mặt hàng NLTS tăng là: chè (tăng 92,0%), gạo (tăng 89,6%), cà phê (tăng 29,7%), thủy sản (tăng 2,4%); trong khi đó một số mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu giảm là mây tre đan (giảm 42,9%), gỗ và sản phẩm gỗ (giảm 33,2%), thức ăn gia súc và nguyên liệu (giảm 31,0%), hạt điều (giảm 19,6%), cao su (giảm 13,7%), sắn và sản phẩm sắn (giảm 13,7%), rau quả (giảm 2,2%). So với cùng kỳ, một số mặt hàng có kim ngạch

xuất khẩu tăng là chè (tăng 157,7%), thủy sản (tăng 117,6%), gỗ và sản phẩm gỗ (tăng 77,2%), cà phê (tăng 12,9%), thức ăn gia súc và nguyên liệu (tăng 12,2%), gạo (tăng 5,1%), cao su (tăng 4,4%); trong khi đó một số mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu giảm là hạt điều (giảm 40,9%), mây tre đan (giảm 12,3%), sắn và sản phẩm sắn (giảm 2,5%), rau quả (giảm 0,9%).

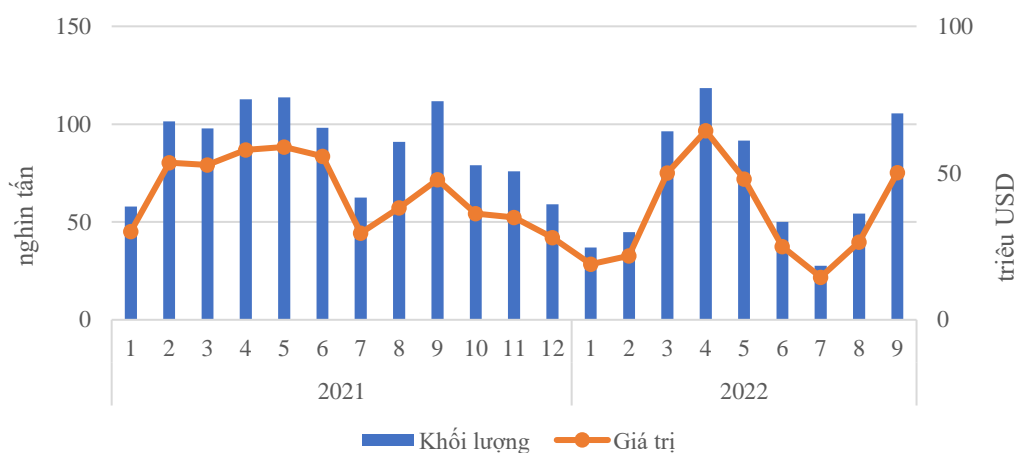
Theo Ban Quản lý Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn, tính đến 20h00 ngày 07.10.2022, tổng số phương tiện chờ hàng hóa xuất khẩu còn tồn trên địa bàn tỉnh là 883 xe, trong đó xe chờ hoa quả là 674 xe hoa quả và 209 xe hàng khác. Cụ thể: (i) tại cửa khẩu Quốc tế Hữu Nghị, còn tồn 211 xe (54 xe tại khu trung chuyển và 157 xe tại cửa khẩu Hữu Nghị), trong đó có 159 xe hoa quả; (ii) tại cửa khẩu phụ Tân Thanh còn tồn 629 xe (tại bãi Bảo Nguyên 394 xe, khu phi thuế quan 235 xe), trong đó có 514 xe hoa quả (tất cả đều được chở bằng container lạnh), 95 xe tinh bột sắn; (iii) tại cửa khẩu chính Chi Ma còn tồn 42 xe bột sắn, hạt tiêu, hạt điều, v.v.

# CÁC MẶT HÀNG XUẤT KHẨU CHỦ LỰC

## 1. LÚA GẠO

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 9/2022, Việt Nam xuất khẩu được 105,6 nghìn tấn gạo, trị giá 50,2 triệu USD sang Trung Quốc, tăng 94,7% về khối lượng và 89,6% về giá trị so với tháng trước, nhưng giảm 5,5% về khối lượng và tăng 5,1% về giá trị so với cùng kỳ 2021. Tổng kim ngạch xuất khẩu gạo sang thị trường này trong 9 tháng đầu năm 2022 đạt 626,0 nghìn tấn, trị giá 319,4 triệu USD, giảm 26,0% về khối lượng và 24,6% về giá trị so với cùng kỳ 2021.

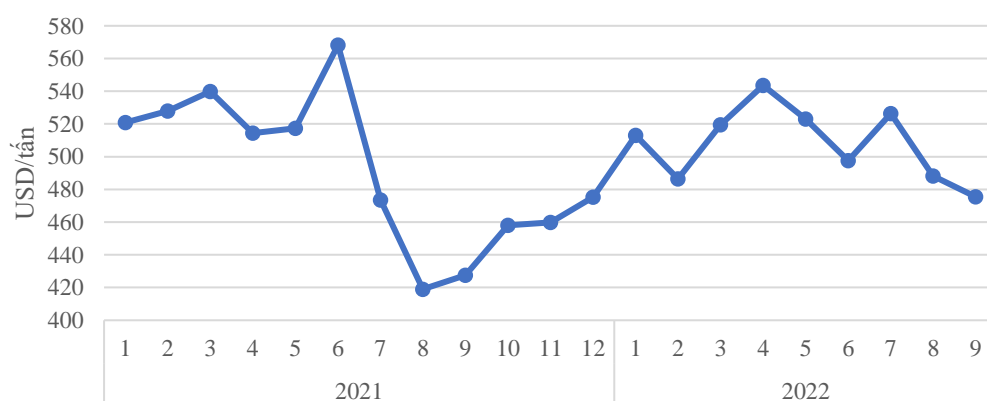
**Hình 1: Khối lượng và giá trị xuất khẩu gạo sang Trung Quốc**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Giá xuất khẩu gạo trung bình sang thị trường Trung Quốc tháng 9/2022 đạt 475,5 USD/tấn, giảm 2,6% so với tháng trước, nhưng tăng 11,2% so với cùng kỳ năm 2021.

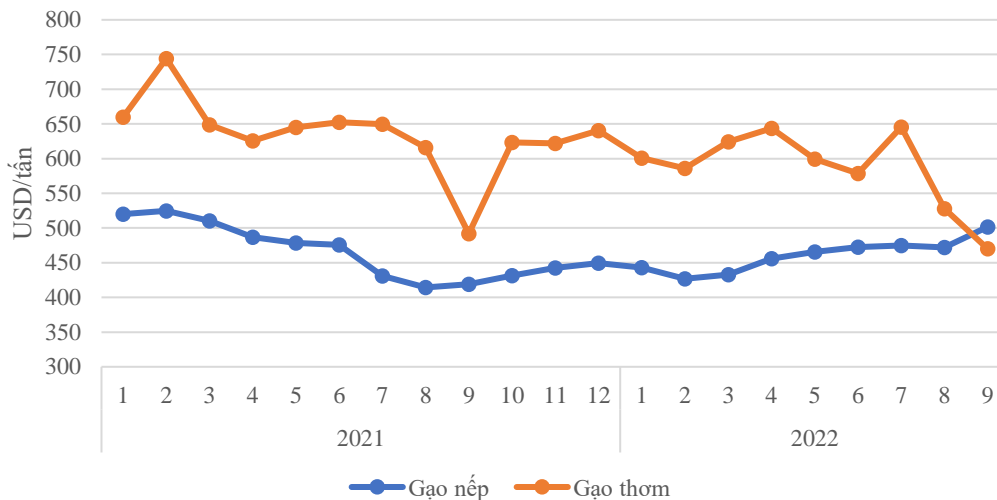
**Hình 2: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường Trung Quốc**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Trong tháng 9/2022, gạo thơm là mặt hàng xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam sang Trung Quốc với kim ngạch 58,8 nghìn tấn và 27,1 triệu USD (chiếm 55,7% về khối lượng và 53,9% về giá trị); so với cùng kỳ năm ngoái, xuất khẩu gạo thơm đã tăng 947,1% về khối lượng và 752,7% về giá trị. Giá xuất khẩu gạo thơm đạt 470,2 USD/tấn, giảm 11,0% so với tháng trước và 4,4% so với cùng kỳ năm ngoái.

**Hình 3: Giá xuất khẩu gạo nếp và gạo thơm sang thị trường Trung Quốc**



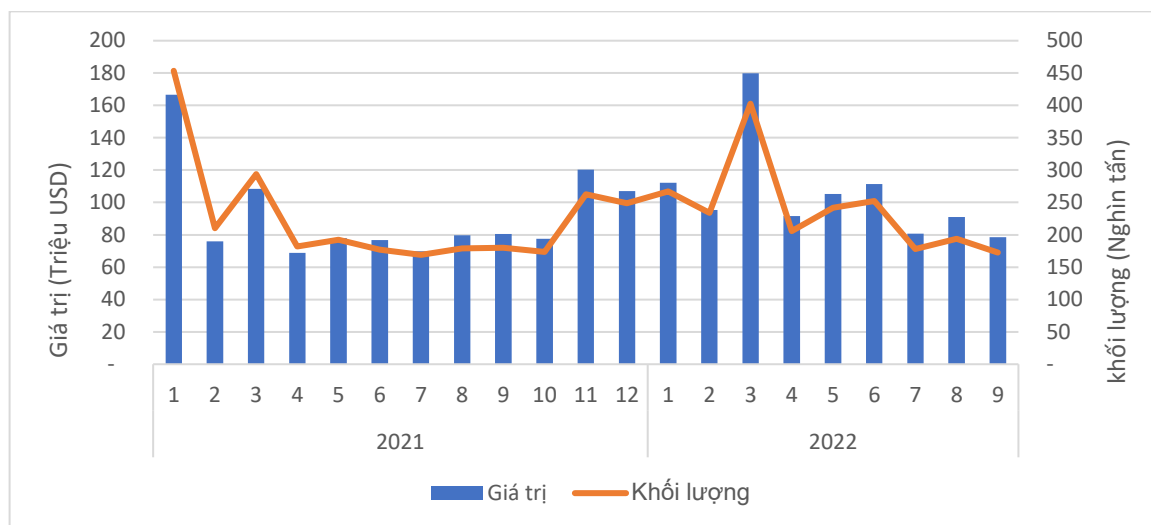
*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

## 2. SẴN VÀ SẢN PHẨM TỪ SẴN

Theo Trung tâm Nghiên cứu Công nghệ nông nghiệp ngành sắn Trung Quốc phân tích từ số liệu của Tổng cục Hải quan Trung Quốc, trong 8 tháng đầu năm 2022, quy mô nhập khẩu tinh bột sắn của Trung Quốc tiếp tục tăng đáng kể. Lũy kế 8 tháng đầu năm 2022, khối lượng nhập khẩu tinh bột sắn của Trung Quốc đạt 2,8409 triệu tấn, trị giá đạt 1,488 tỷ USD, tăng lần lượt 29,34% và 42,67% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong kỳ, lượng tinh bột sắn nhập khẩu của Trung Quốc chủ yếu từ Thái Lan và Việt Nam lần lượt chiếm 53,76% và 39,17% tổng lượng tinh bột sắn nhập khẩu của Trung Quốc.

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 9/2022, Việt Nam xuất khẩu được 172,4 nghìn tấn sắn và sản phẩm từ sắn, trị giá 78,47 triệu USD sang thị trường Trung Quốc, giảm 11,1% về khối lượng và 13,69% về giá trị so với tháng 8/2022, giảm 4,2% về khối lượng và 2,5% về giá trị so với cùng kỳ 2021. Lũy kế 9 tháng đầu năm 2022, khối lượng xuất khẩu sắn và sản phẩm từ sắn sang thị trường này đạt gần 2,13 triệu tấn, trị giá 936,6 triệu USD, tăng 5,8% về khối lượng và tăng 17,6% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021.

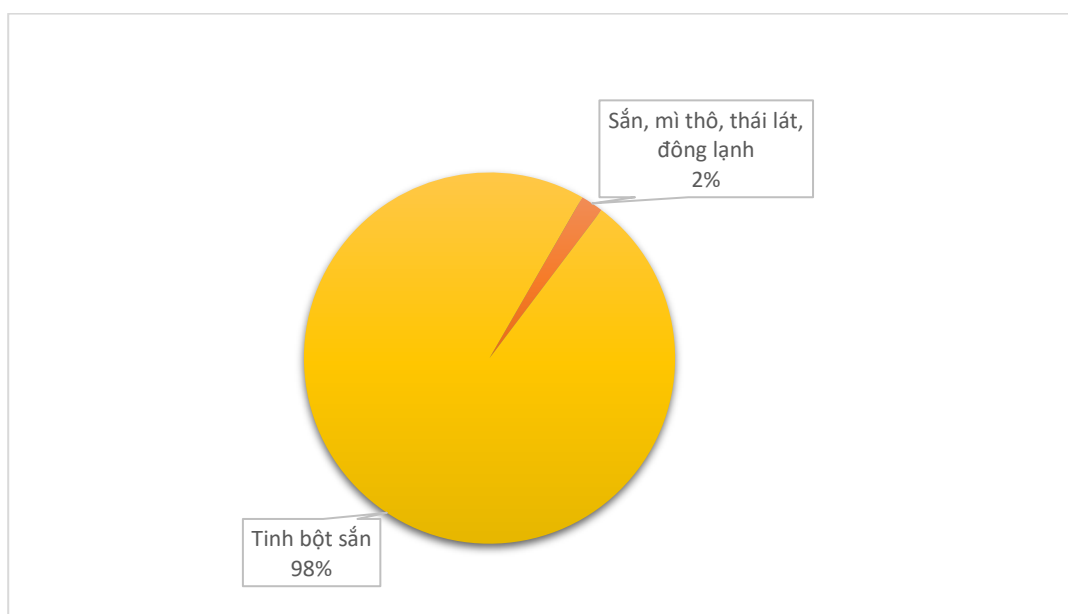
**Hình 4: Khối lượng và giá trị xuất khẩu sản và sản phẩm từ sản sang Trung Quốc**



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về cơ cấu, thị trường Trung Quốc chiếm 89,2% về khối lượng và 89,51% về giá trị xuất khẩu sản của Việt Nam trong tháng 9 năm 2022. Trong đó, giá trị xuất khẩu tinh bột sắn đạt 76,9 triệu USD, chiếm 98% tổng giá trị xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, giảm 13,95% so với tháng trước và tăng 3,4% so với cùng kỳ năm 2021. Sắn lát, đông lạnh đạt 1,55 triệu USD (chiếm 2%), tăng 2,62% so với tháng trước và giảm 74,6% so với cùng kỳ năm trước.

**Hình 5: Cơ cấu xuất khẩu sản sang thị trường Trung Quốc**



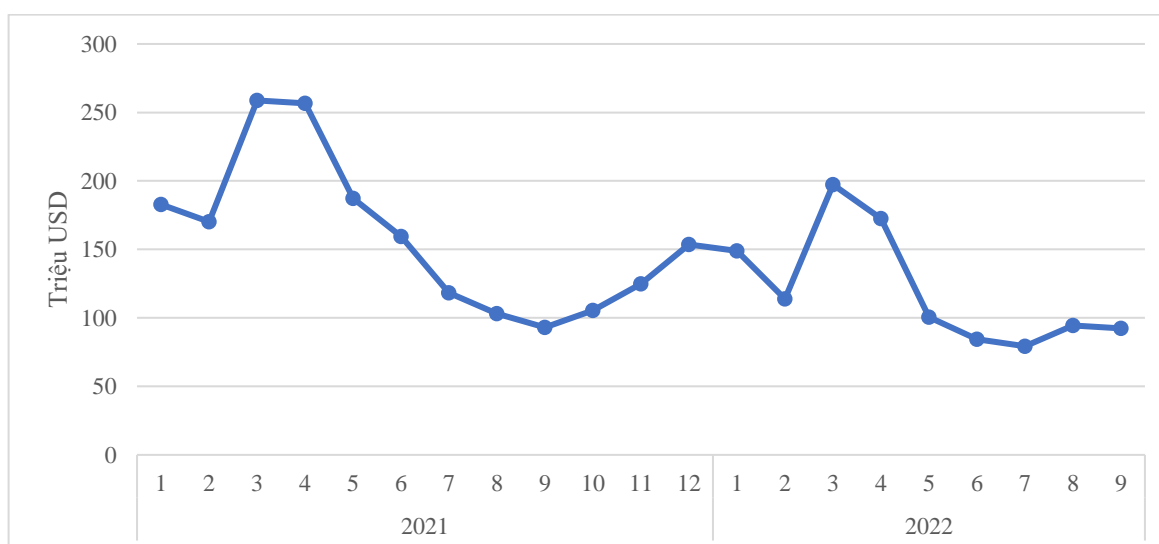
Nguồn: Tổng cục Hải quan

### 3. RAU QUẢ

Tại Hội nghị và Triển lãm Doanh nghiệp Philippines lần thứ 48, Đại sứ Trung Quốc tại Philippines cho biết, Trung Quốc có kế hoạch nhập khẩu thêm các loại trái cây của Philippines như: măng cụt, sầu riêng và cơm dừa đông lạnh. Cả hai nước đều có thể hỗ trợ trong nông nghiệp vì Philippines có lợi thế về nông nghiệp nhiệt đới và Trung Quốc có nhiều kinh nghiệm về khoa học công nghệ nông nghiệp.

Giá trị xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc tháng 9 năm 2022 đạt 92,3 triệu USD, chiếm 36,6% tổng giá trị xuất khẩu, giảm 2,2% so với tháng trước và giảm 0,9% so với cùng kỳ năm 2021. Tính chung 9 tháng đầu năm 2022, giá trị xuất khẩu rau quả sang Trung Quốc đạt 1,1 tỷ USD (chiếm 43,3% thị phần), giảm 30,5% so với cùng kỳ năm 2021.

**Hình 6: Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường Trung Quốc**



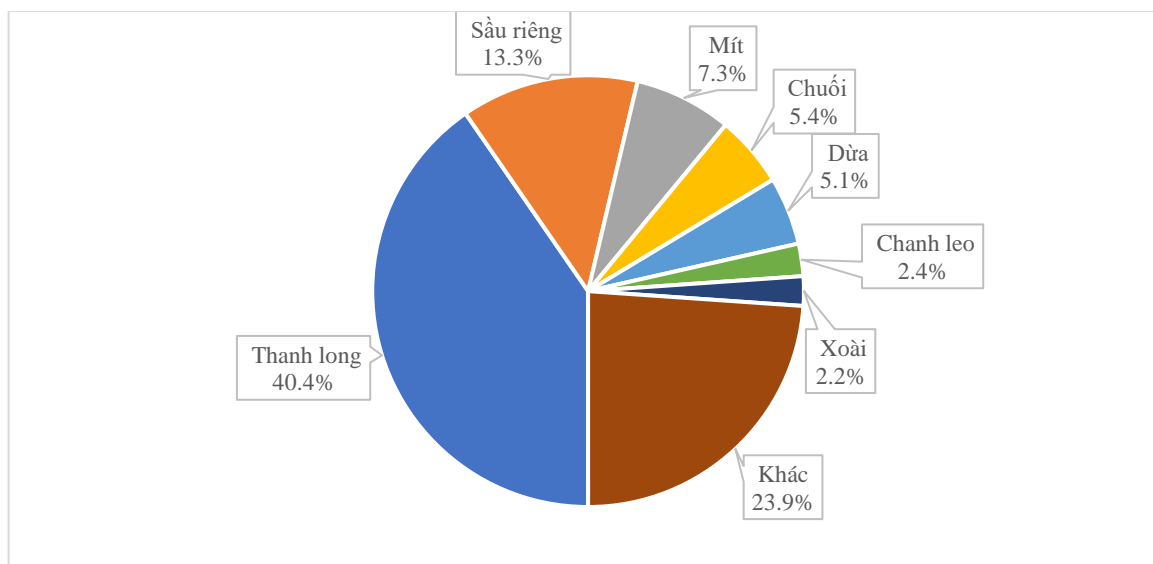
*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Cơ cấu xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang Trung Quốc tháng 9 năm 2022, mặt hàng rau quả tươi, khô, đông lạnh, sơ chế đạt 71,6 triệu USD (chiếm 77,6% thị phần, giảm 2,2% so với cùng kỳ năm 2021) và rau quả chế biến đạt gần 20,7 triệu USD (chiếm 22,4%), tăng 3,8%. So sánh với cùng kỳ năm 2021, trái cây đông lạnh, sấy khô, dẻo (mã HS.2008) đạt 15,6 triệu USD, tăng 12,4%; nước ép, nước cốt trái cây (mã HS.2009) đạt 4,2 triệu USD, giảm 26,0%; mứt rau, quả (mã HS.2006) đạt 902,7 nghìn USD, tăng 116,5%; v.v.

Trong tháng 9 năm 2022, các mặt hàng rau quả có giá trị xuất khẩu cao nhất bao gồm: thanh long đạt 37,3 triệu USD (chiếm 40,4% tổng giá trị xuất khẩu rau quả

sang thị trường này), giảm 29,1% so với cùng kỳ năm 2021; sầu riêng đạt 12,3 triệu USD (chiếm 13,3%), tăng 278,1%; mít đạt 6,8 triệu USD (chiếm 7,3%), tăng 89,2%; chuối đạt 4,9 triệu USD (chiếm 5,4%), giảm 4,3%; chanh leo đạt 2,2 triệu USD (chiếm 2,4%), giảm 47,4%; xoài đạt 2,0 triệu USD (chiếm 2,2%), tăng 20,4%; nhãn đạt 1,8 triệu USD (chiếm 1,9%), giảm 24,1%; v.v.

**Hình 7: Cơ cấu các loại rau quả chính xuất khẩu sang Trung Quốc tháng 9/2022**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

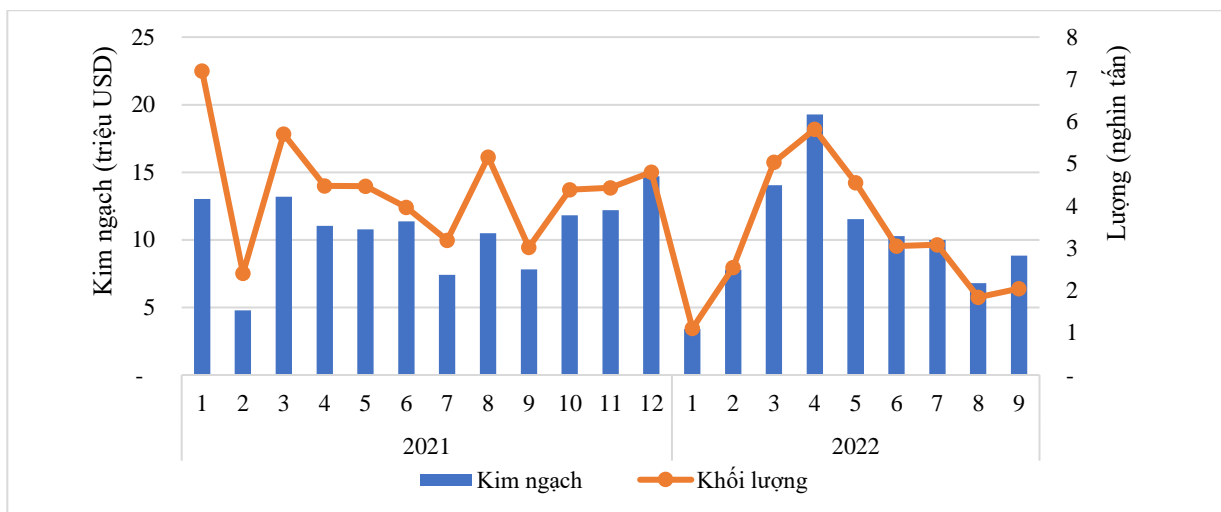
Giá trị nhập khẩu rau quả từ thị trường Trung Quốc tháng 9 năm 2022 đạt 89,9 triệu USD, chiếm 44,2% tổng giá trị nhập khẩu, tăng 96,5% so với cùng kỳ năm 2021. Tính chung 9 tháng đầu năm 2022, giá trị nhập khẩu rau quả từ thị trường này đạt 561,9 triệu USD, chiếm 38,5% tổng giá trị nhập khẩu, tăng 77,1% so với cùng kỳ năm 2021. Trong tháng 9/2022, các mặt hàng Việt Nam nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường này là: nắm các loại đạt 11,4 triệu USD (chiếm 12,6% tổng giá trị nhập khẩu), tăng 184,1% so với cùng kỳ năm trước; tỏi đạt 11,1 triệu USD (chiếm 12,3%), tăng 11,5%; nho đạt 10,3 triệu USD (chiếm 11,5%), tăng 372,8%; cà rốt đạt 8,1 triệu USD (chiếm 9,1%), tăng 131,8%; táo đạt 7,1 triệu USD (chiếm 7,9%), tăng 183,4%; khoai tây đạt 7,0 triệu USD (chiếm 7,8%), tăng 28,0%; v.v.

#### 4. CÀ PHÊ

Xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang Trung Quốc trong tháng 9/2022 ước đạt 2,0 nghìn tấn với trị giá 8,8 triệu USD, tăng 11,0% về lượng và 29,7% về giá trị so với tháng trước, và giảm 32,4% về lượng nhưng tăng 12,9% về giá trị so với cùng kỳ 2021.

**Hình 8: Khối lượng và giá trị cà phê xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc**

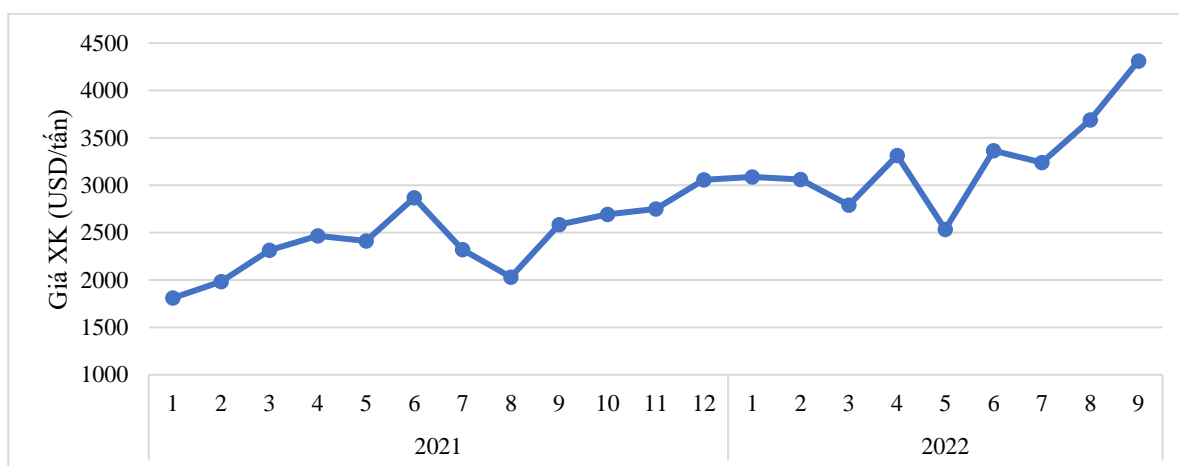




Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 9/2022, giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Trung Quốc đạt 4.311 USD/tấn, tăng 16,8% so với tháng trước và tăng 66,9% so với cùng kỳ năm trước.

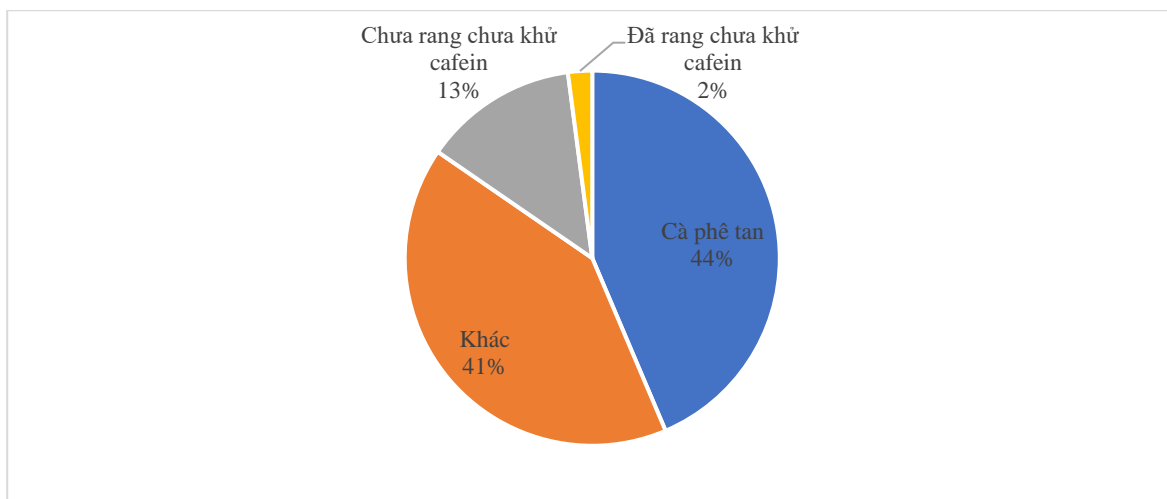
**Hình 9: Giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Trung Quốc**



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 9/2022, cà phê tan là loại cà phê có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Trung Quốc đạt 3,8 triệu USD, chiếm 43,6% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là cà phê chưa rang chưa khử cafein với kim ngạch 1,2 triệu USD, chiếm 13,3% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là cà phê đã rang chưa khử cafein chiếm 2,1% tổng giá trị xuất khẩu sang Trung Quốc.

**Hình 10: Chủng loại cà phê xuất khẩu sang Trung Quốc theo kim ngạch tháng 9/2022**

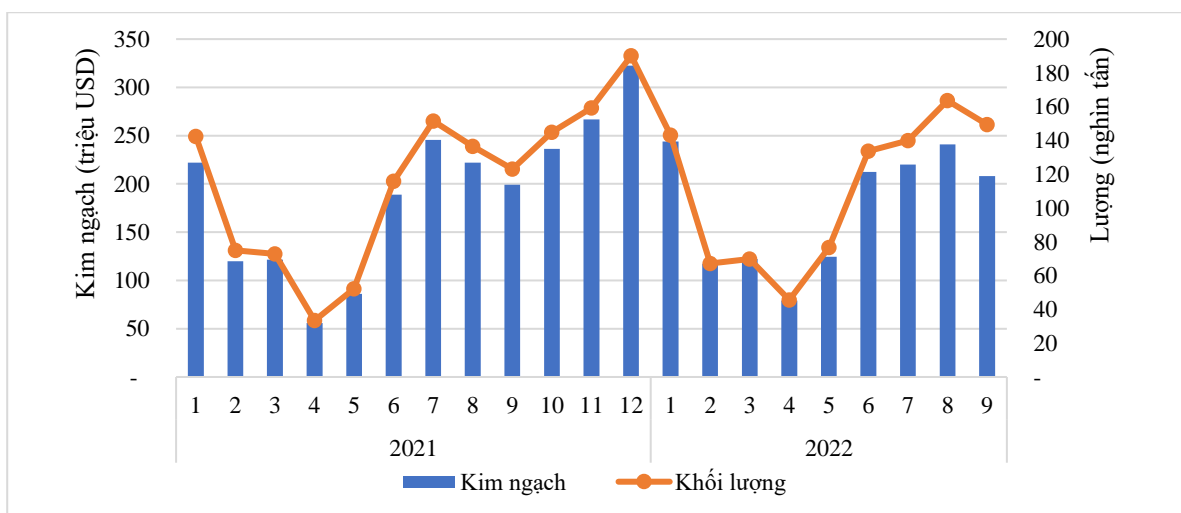


Nguồn: Tổng cục Hải quan

## 5. CAO SU

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 09/2022, xuất khẩu cao su của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc ước đạt 149,4 nghìn tấn với trị giá 207,98 triệu USD, giảm 8,6% về khối lượng và 13,7% về giá trị so tháng trước. So với cùng kỳ năm 2021 tăng 21,5% về khối lượng và 4,4% về giá trị.

**Hình 11: Khối lượng và giá trị xuất khẩu cao su sang thị trường Trung Quốc**

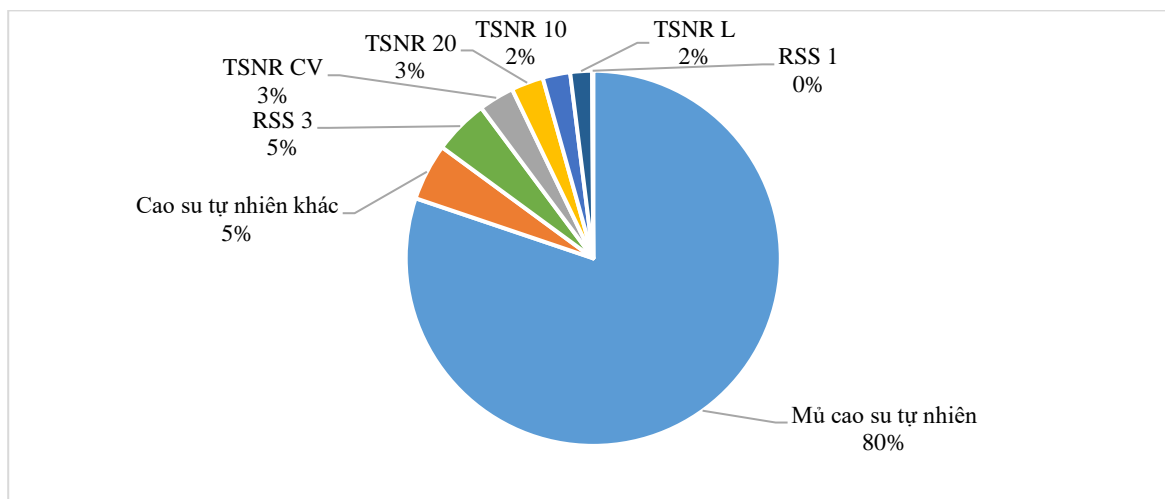


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 09/2022, mủ cao su tự nhiên là chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Trung Quốc đạt 27,7 triệu USD, chiếm 80,2% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là RSS 3 với kim ngạch gần 1,63 triệu USD, chiếm 4,7% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là TSNR CV, TSNR 20 và TSNR 10 chiếm lần lượt 3,1%, 2,8% và 2,4% tổng giá trị xuất khẩu. Cuối cùng là

TSNR L và RSS 1 chiếm lần lượt là 1,9% và 0,1% tổng giá trị xuất khẩu sang Trung Quốc.

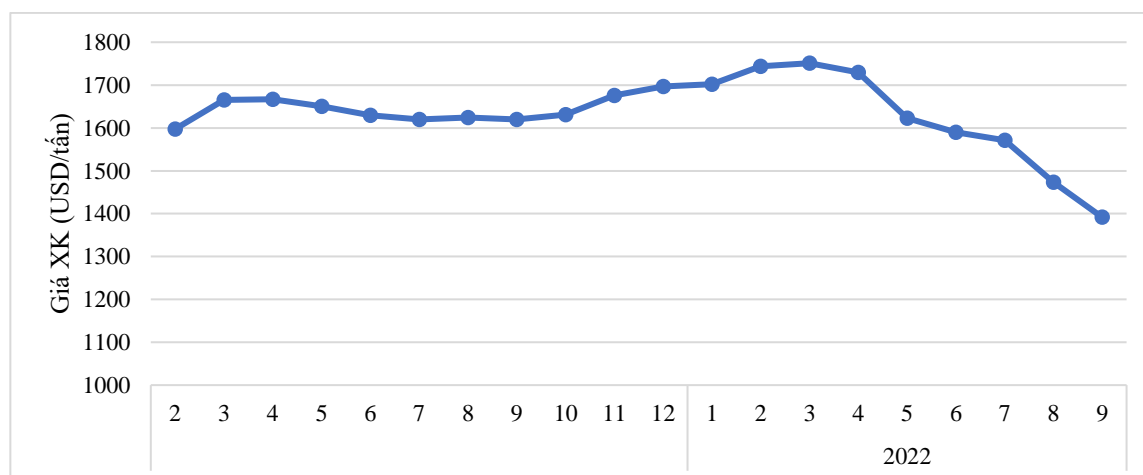
**Hình 12: Chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc theo kim ngạch tháng 09/2022**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Giá cao su xuất khẩu trung bình sang thị trường Trung Quốc tháng 09/2022 đạt mức 1.392 USD/tấn, giảm 5,6% so với tháng trước và giảm 14,1% so với cùng kỳ 2021.

**Hình 13: Giá cao su tự nhiên xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc**



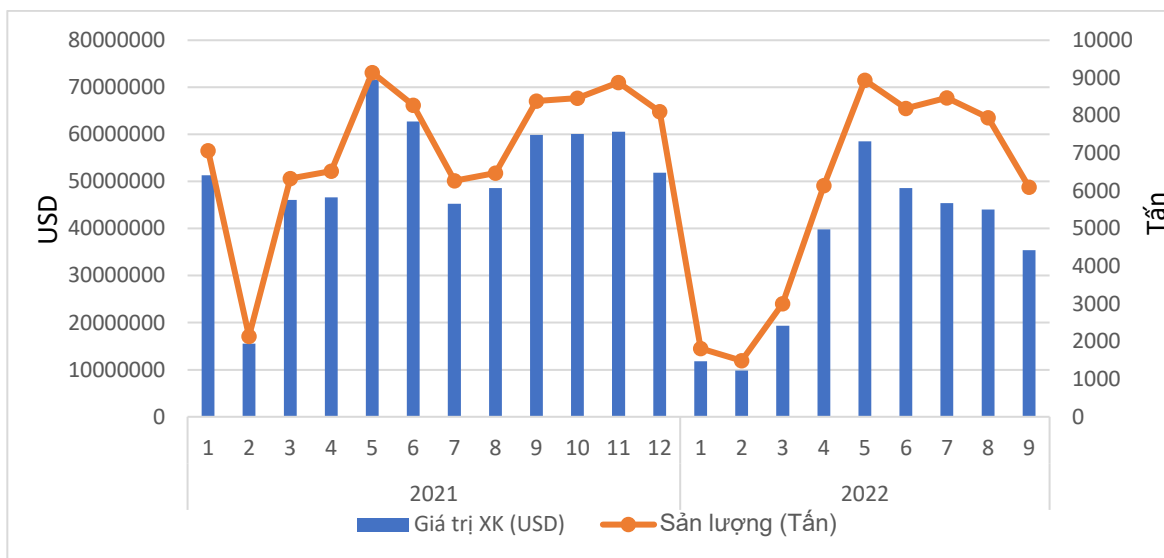
*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

## 6. HẠT ĐIỀU

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 9/2022, Việt Nam xuất khẩu điều sang thị trường Trung Quốc đạt 6,1 nghìn tấn, trị giá 35,39 triệu USD, giảm 23,2% về khối

lượng và 19,6% về giá trị so với tháng trước. So với cùng kỳ năm 2021, xuất khẩu điều sang thị trường Trung Quốc giảm 27,2% về khối lượng và 40,9% về giá trị.

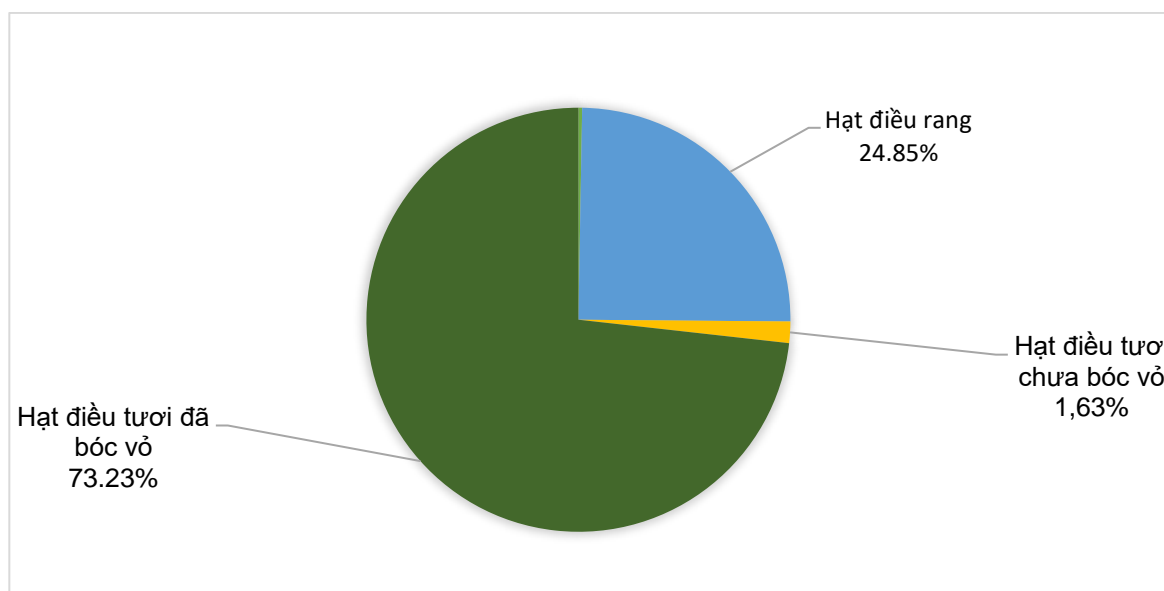
**Hình 14: Khối lượng và giá trị xuất khẩu điều sang thị trường Trung Quốc**



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Xuất khẩu điều tươi đã bóc vỏ vẫn chiếm tỷ trọng cao nhất trong các sản phẩm điều xuất khẩu sang thị trường này, chiếm 73,23% đạt 25,9 triệu USD; hạt điều rang chiếm 24,85% đạt 8,8 triệu USD; hạt điều tươi chưa bóc vỏ chiếm 1,63% đạt 0,6 triệu USD.

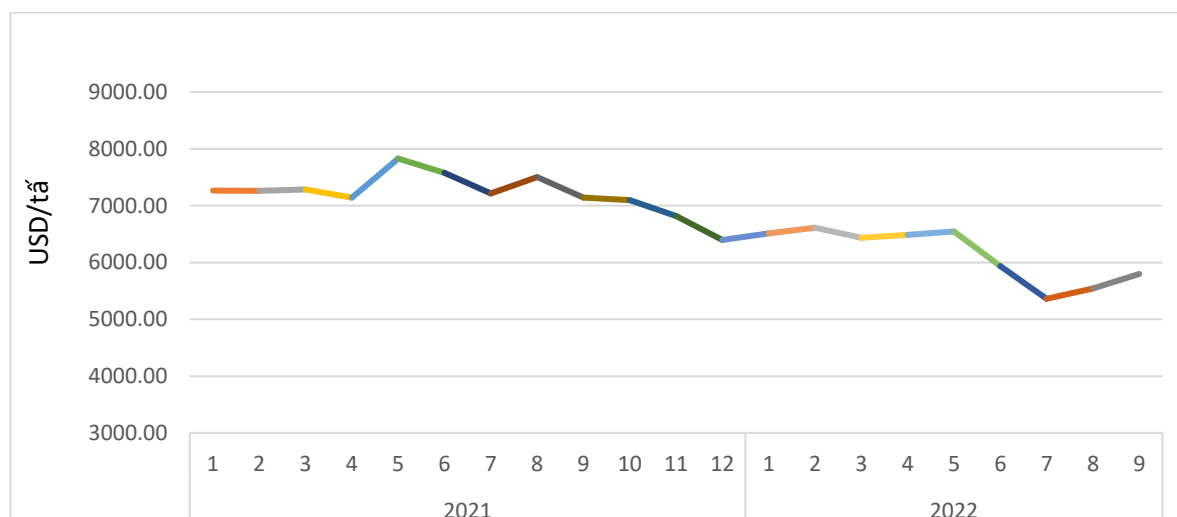
**Hình 15: Cơ cấu giá trị hạt điều xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc**



Nguồn: Tính toán từ số liệu Hải quan

Giá xuất khẩu điều trung bình sang thị trường Trung Quốc tháng 9/2022 duy trì ổn định. Cụ thể, giá xuất khẩu điều bình quân sang thị trường này đạt 5.937 USD/tấn, giảm 9,3% so với tháng trước và 21,7% so với cùng kỳ năm trước.

**Hình 16. Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường Trung Quốc**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Giá một số loại hạt điều cụ thể xuất khẩu sang thị trường này như sau: hạt điều tươi đã bóc vỏ đạt 5,8 USD/kg, giảm 81,1% so với cùng kỳ năm trước; điều rang đạt 6,3 USD/kg, giảm 69,4% so với cùng kỳ năm trước.

## 8. THỦY SẢN

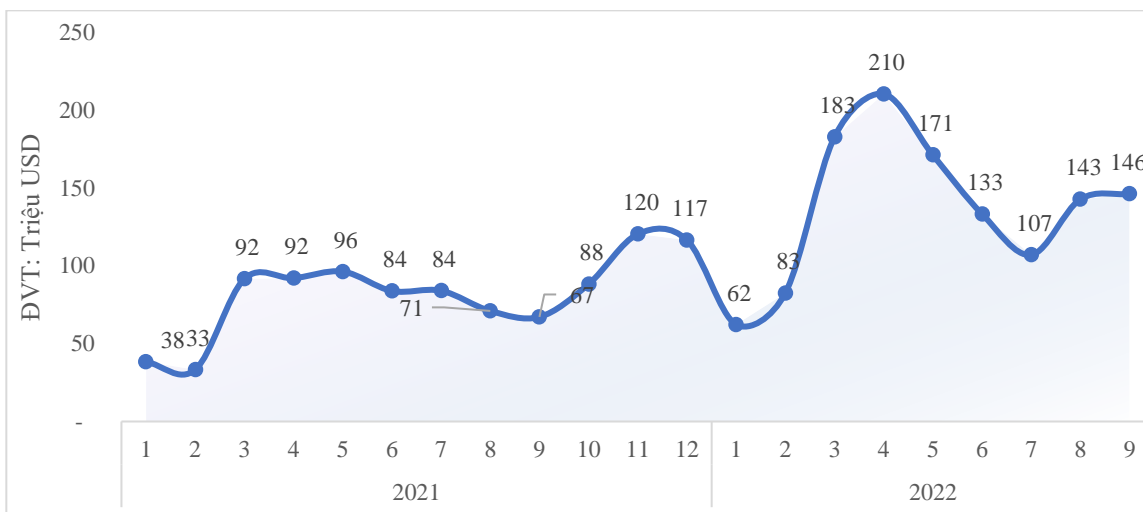
Nhằm mục đích tăng hiệu quả ngành nuôi trồng thủy sản Trung Quốc, thành phố Thâm Quyển đang tiến hành một chương trình trợ cấp đầy tham vọng. Chương trình tập trung cải thiện chất lượng con giống và hiệu quả chăn nuôi thông qua cải thiện di truyền và sử dụng AI. Chương trình các biện pháp đầu tư hiện đại hóa nghề cá của thành phố Thâm Quyển sẽ cung cấp khoản trợ cấp trị giá lên tới 30 triệu CNY (4,2 triệu USD) cho các công ty địa phương đang nghiên cứu các tiến bộ công nghệ trong nuôi trồng thủy sản ở Quảng Đông, một vùng sản xuất tôm trọng điểm.

Theo Cơ quan quản lý nông nghiệp tỉnh Quảng Đông, các công ty trên địa bàn tỉnh đã sản xuất thành công 2 giống tôm chân trắng mới là Haimao No.1 và Hisenor No.3. Cơ quan quản lý ngành đã cấp phép lưu hành đối với 2 giống tôm chân trắng này.

Trung Quốc đang tăng nhập khẩu tôm của Ê-cu-a-đo để tận dụng cơ hội giá giảm do nhu cầu tại thị trường EU và Hoa Kỳ đang yếu đi.

Theo Tổng cục Hải quan, xuất khẩu thủy sản sang thị trường Trung Quốc tháng 9/2022 đạt 146,28 triệu USD, tăng 116,6% so với cùng kỳ năm trước, và 2,4 % so với tháng 8/2022, đưa tổng kim ngạch xuất khẩu 9 tháng đầu năm sang thị trường này đạt 1,24 tỷ USD tăng 88,3% so với cùng kỳ năm 2021.

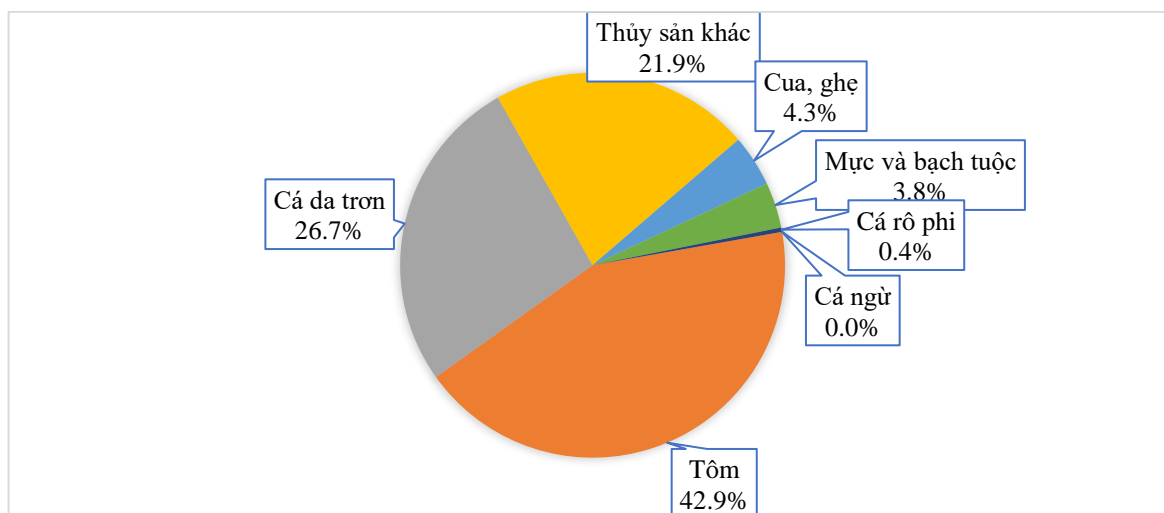
**Hình 17. Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường Trung Quốc**



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 9/2022, tôm và cá da trơn vẫn là 2 mặt hàng xuất khẩu chính trong tháng này: tôm chiếm 42,9%; cá da trơn chiếm 26,7%. Xuất khẩu thủy sản sang thị trường này vẫn giữ tốc độ ổn định và được dự báo sẽ tăng trưởng mạnh vào cuối năm do nhu cầu tăng mạnh.

**Hình 18. Cơ cấu mặt hàng thủy sản xuất khẩu tháng 9/2022**

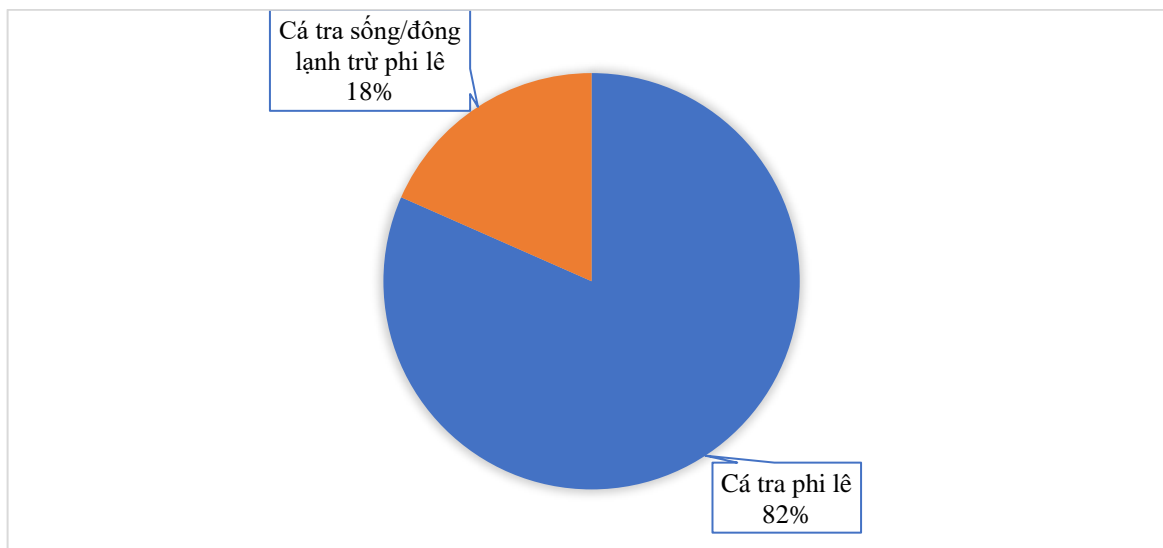


Nguồn: Tính toán từ số liệu Hải quan

Xuất khẩu cá da trơn sang thị trường này đạt 39 triệu USD, chiếm 26,7% tổng giá trị thủy sản xuất khẩu sang thị trường này, giảm 27,6% so với tháng trước, nhưng tăng 194,7% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, cá tra phi lê chiếm tới 81,6%, đạt

31,9 triệu USD, tăng 173,1% so với tháng 9/2021 và giảm 24,9% so với 8/2022; cá tra sống/đông lạnh trừ phi lê chiếm 18,4%, đạt 7,2 triệu USD, tăng 353,7% so với cùng kỳ năm trước.

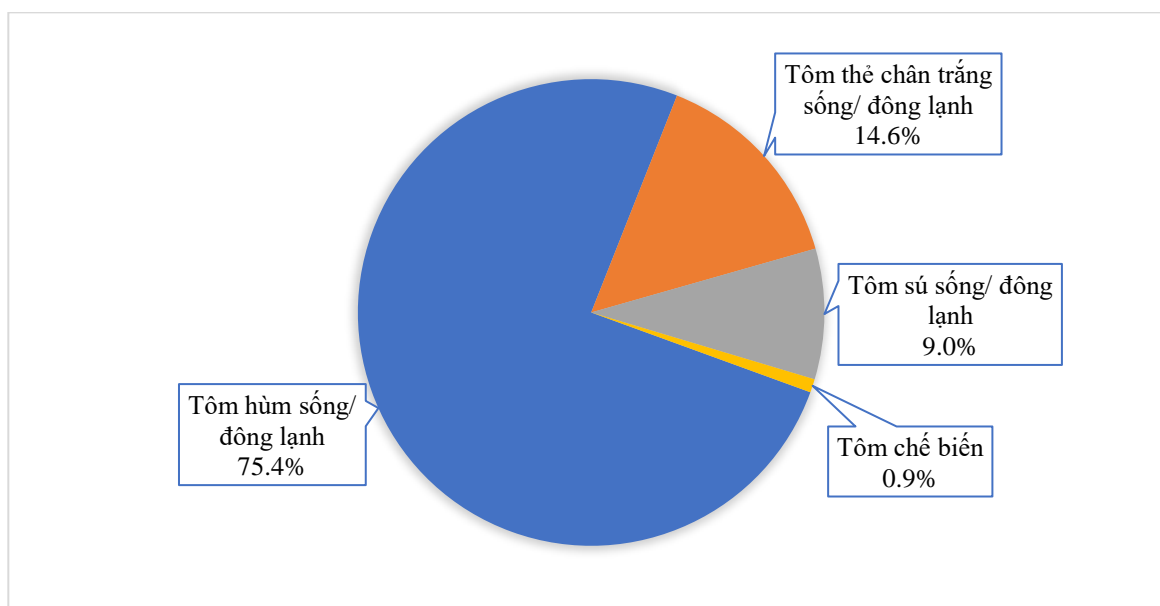
**Hình 19. Cơ cấu xuất khẩu cá tra sang thị trường Trung Quốc tháng 9/2022**



*Nguồn: Tính toán từ số liệu Hải quan*

Tháng 9/2022, giá trị xuất khẩu tôm sang thị trường đạt 62,8 triệu USD, tăng 117,3% so với cùng kỳ năm trước và 79,9% so với tháng trước. Trong đó, giá trị xuất khẩu tôm hùm đạt 46,3 triệu USD, chiếm 73,7%, tăng 295,3% so với tháng trước, tôm thẻ chân trắng đạt 8,9 triệu USD, chiếm 14,3% và giảm 45,8; tôm sú sống/đông lạnh đạt 5,5 triệu USD, chiếm 8,8%, giảm 13,5%; tôm chế biến đạt 0,6 triệu USD, chiếm 0,9% và tăng 94,3.

**Hình 20. Cơ cấu xuất khẩu tôm sang thị trường Trung Quốc tháng 9/2022**



*Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan*

Một số loại thủy sản khác xuất khẩu sang thị trường này tháng 9/2022 như sau: mực và bạch tuộc đạt 5,6 triệu USD, chiếm 3,8% tổng giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường Trung Quốc và tăng 24,1% so với cùng kỳ năm trước; cua – ghẹ đạt 6,3 triệu USD, chiếm 4,3%, giảm 15,9%; thủy sản khác đạt 32 triệu USD, chiếm 21,9%, tăng 155,3%.

Về giá bình quân xuất khẩu một số mặt hàng thủy sản sang thị trường này trong tháng 9/2022 như sau: cá da trơn đạt 2,5 USD/kg, tăng 38,4% so với cùng kỳ năm trước và tăng 10,3% so với tháng 8/2022. Tôm đạt 12,3 USD/kg, tăng 53,7% so với cùng kỳ năm 2021 và tăng 1,7% so với tháng trước. Cụ thể:

**Bảng 1. Giá xuất khẩu trung bình một số sản phẩm thủy sản tháng 9/2022**

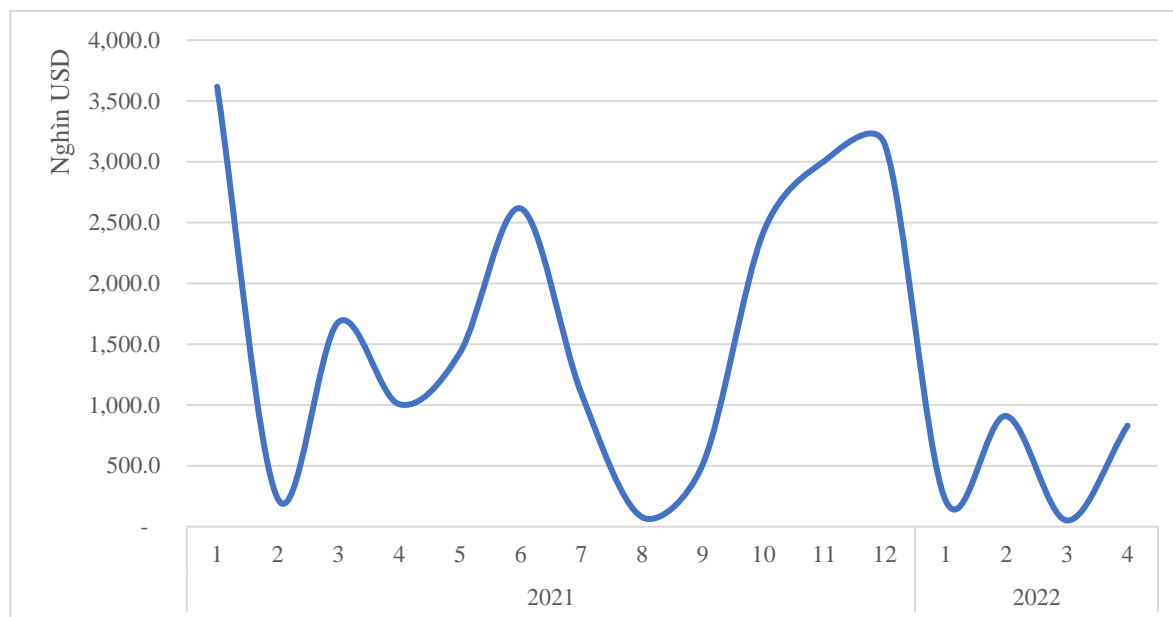
TT	Sản phẩm	Giá (USD)	So năm trước (%)	So tháng trước (%)
1	Cá da trơn	2,5	38,4%	10,3%
2	Cua, ghẹ	9,3	21,6%	8,6%
3	Mực và bạch tuộc	2,7	7,3%	-10,2%
4	Tôm	12,3	53,7%	1,7%

*Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan*

## 7. THỊT VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ THỊT

Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương) dẫn số liệu của Cơ quan Hải quan Trung Quốc cho biết quốc gia này đã nhập khẩu 140.000 tấn thịt heo (HS 0203) trong tháng 8/2022, với trị giá 318,57 triệu USD, tăng 16,7% về lượng và tăng 22,2% về trị giá so với tháng 7. Tuy nhiên so với cùng kỳ năm trước, nhập khẩu đã giảm 50% về lượng và giảm 58,1% về trị giá. Tính chung 8 tháng năm 2022, Trung Quốc nhập khẩu 1,07 triệu tấn thịt heo, trị giá 2,19 tỷ USD, giảm 63,5% về lượng và giảm 73,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021. Trung Quốc chủ yếu nhập khẩu từ Tây Ban Nha, Brazil, Đan Mạch, Hà Lan, Mỹ, và Canada. Trong đó, Tây Ban Nha là thị trường lớn nhất cung cấp thịt heo cho Trung Quốc trong 8 tháng năm 2022, chiếm 29,3% trong tổng trị giá nhập khẩu thịt heo của Trung Quốc, với 643,43 triệu USD, giảm 75,7% so với cùng kỳ năm trước. Kể từ tháng 4 đến nay, Việt Nam không xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt sang thị trường Trung Quốc.



**Hình 21: Giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt sang thị trường Trung Quốc**

*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Trong khi đó, về nhập khẩu, tổng giá trị nhập khẩu các sản phẩm thịt từ thị trường Trung Quốc của Việt Nam trong tháng 9/2022 tiếp tục có xu hướng tăng đạt 1,05 triệu USD, tăng 6,6% so với tháng trước và 129,3% so với cùng kỳ năm trước. Sản phẩm nhập khẩu của Việt Nam từ thị trường này là ba ba trơn sống.

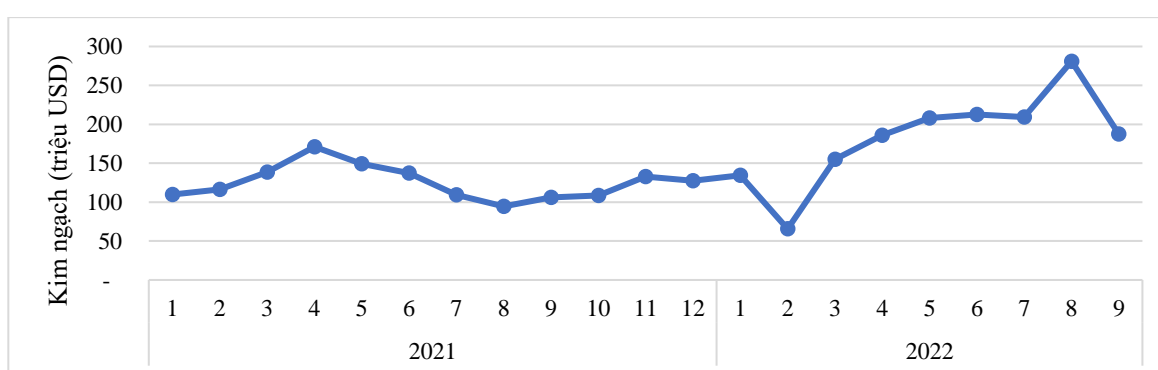
Theo báo cáo mới nhất của USDA về thị trường Trung Quốc, các nhà sản xuất lớn dự kiến đạt được mục tiêu sản xuất nhưng tạm ngừng mở rộng thêm vào năm 2023. Năm công ty sản xuất thịt heo hàng đầu của Trung Quốc đã báo cáo khoản lỗ hơn 39 tỷ NDT (5,7 tỷ USD) trong năm 2021. Các nhà sản xuất đang kỳ vọng tiêu thụ sẽ tăng lên dựa trên về nhu cầu thịt heo theo mùa và việc nới lỏng các hạn chế COVID-19. Các nhà sản xuất kỳ vọng rằng bằng cách đáp ứng các mục tiêu sản xuất và tăng thị phần, họ có thể bù đắp một số khoản lỗ trước đó. Cơ quan này cho biết thêm vào năm 2023, tăng trưởng sản lượng heo hơi của quốc gia châu Á sẽ được thúc đẩy bởi các nhà sản xuất quy mô trung bình. Các nhà sản xuất cỡ vừa đầu tư ít hơn vào các cơ sở liên kết theo chiều dọc, cho phép các nhà sản xuất này mở rộng vào năm 2023. Các nhà sản xuất heo hơi lớn của Trung Quốc đã đầu tư đáng kể vào các cơ sở này và chịu lỗ nặng do giá thịt heo và heo hơi giảm. Vì vậy, trong năm sau, các nhà sản xuất lớn dự kiến sẽ đáp ứng được tình trạng giá nội địa ổn định và sự cạnh tranh mạnh mẽ bằng cách duy trì mức sản xuất hiện tại và vận hành với công suất thấp tại các cơ sở của họ. Trong khi đó, các nhà sản xuất nhỏ - nhóm các nhà sản xuất heo lớn nhất ở Trung Quốc - đã phải chịu tổn thất nặng nề (trong hơn nửa năm qua) và dự kiến sẽ không muốn tham gia lại thị trường cho đến khi giá tăng bền vững.

## 9. GỖ VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ GỖ

Bộ Công thương đã phối hợp với các đơn vị liên quan xem xét và đánh giá kỹ tác động của hành vi bán phá giá của hàng hóa nhập khẩu đối với hoạt động của ngành sản xuất trong nước. Theo đó, áp dụng mức thuế chống bán phá giá tạm thời được áp dụng với hàng hóa bị điều tra từ Trung Quốc là 21,4% đối với sản phẩm ghê và 35,2% đối với sản phẩm bàn.

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 09/2022, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Trung Quốc ước đạt 187,7 triệu USD, giảm 33,2% so với tháng trước và tăng 77,2% so với cùng kỳ năm 2021.

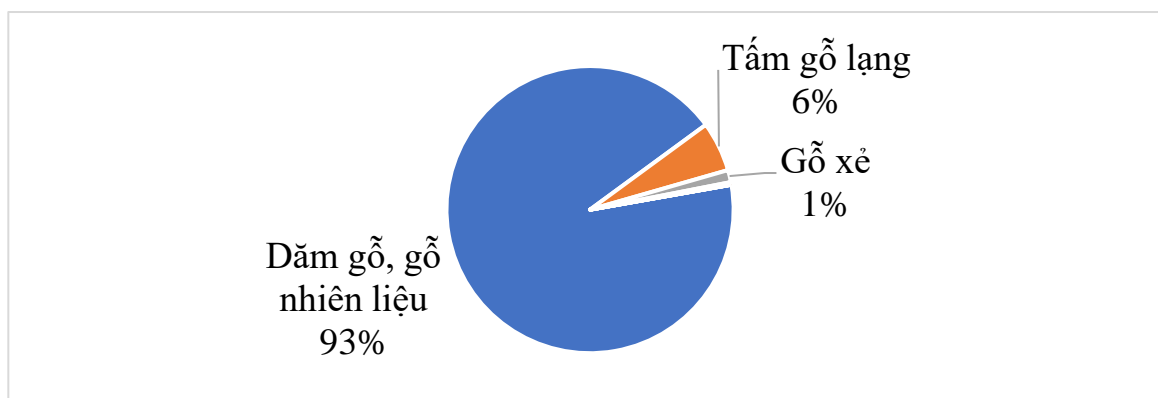
**Hình 22: Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Trung Quốc**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Trong tháng 09/2022, dăm gỗ, gỗ nhiên liệu là chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ thuộc nhóm mã HS 44 có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Trung Quốc đạt 168,9 triệu USD, chiếm 92,7% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là tấm gỗ lạng với kim ngạch 10,2 triệu USD, chiếm 5,6% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là gỗ xẻ và ván dăm, chiếm lần lượt 1,4% và 0,2% tổng giá trị xuất khẩu sang Trung Quốc.

**Hình 23: Chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ (mã HS 44) xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc theo kim ngạch tháng 09/2022**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

# NHẬN ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ

## 1. Cà phê

Để tận dụng được thị trường Trung Quốc thì ngoài bán thô, Việt Nam cần nâng cao năng lực chế biến, bởi vì người dân Trung Quốc đang ngày càng ưa chuộng cà phê chế biến sâu, cà phê pha chế sẵn chất lượng cao. Tăng đầu tư cho doanh nghiệp tiếp cận hệ thống bán lẻ cà phê của Trung Quốc.

## 2. Gạo

Theo USDA, sản lượng gạo của Trung Quốc năm 2022/23 sẽ đạt 149 triệu tấn, gần tương đương so với năm trước đó, còn nhu cầu tiêu thụ ước đạt 156,6 triệu tấn, tăng nhẹ 0,5% so với năm trước đó. USDA cũng dự báo trong niên vụ 2022/23 Trung Quốc sẽ tăng lượng nhập khẩu lên 6 triệu tấn, tăng 7,1% so với trước đó.

## 3. Rau quả

Theo đại diện Vụ Thị trường châu Á - châu Phi (Bộ Công Thương), xuất khẩu rau quả của Việt Nam mới chiếm khoảng 1,4% tổng nhập khẩu rau quả của thế giới. Nhiều thị trường chưa được các doanh nghiệp Việt Nam khai thác hết. Ngay với thị trường Trung Quốc, dù Việt Nam xuất khẩu lượng lớn rau quả sang thị trường này nhưng con số vẫn còn khá khiêm tốn so với tiềm năng.

Theo đại diện Hiệp hội Rau quả Việt Nam, sau khi sầu riêng Việt Nam được cấp phép xuất khẩu chính ngạch sang Trung Quốc, giá sầu riêng tăng cao hơn, dẫn tới người dân có xu hướng chặt bỏ cà phê, tiêu, điều, v.v. để chuyển sang trồng sầu riêng. Tuy nhiên, sầu riêng được cấp mã số vùng trồng mới chỉ có khoảng 7% diện tích sầu riêng cả nước, nên nếu tăng diện tích nhanh trong thời gian ngắn, nguy cơ xảy ra tình trạng gian lận mã số vùng trồng, ảnh hưởng cả ngành hàng.

## 4. Cao su

Theo bộ công thương, Trung Quốc vẫn thực hiện chính sách “Zero Covid”, nhưng nước này cũng đang cần nhập khẩu lượng mủ cao su và cao su sơ chế rất lớn để phục vụ cho sản xuất các sản phẩm cao su của nước này. Thời gian tới, dự báo nhu cầu cao su của Trung Quốc tiếp tục được cải thiện bởi ngành sản xuất xe hơi Trung Quốc có thể sẽ tiếp tục tăng trong giai đoạn cuối năm nhờ hưởng lợi của chính sách kích thích tiêu thụ ô tô, cùng với ngành sản xuất xe hơi phục hồi. Đây là tín hiệu tốt cho hoạt động xuất khẩu cao su tự nhiên của Việt Nam.

## 5. Thủy sản

Theo VASEP, xuất khẩu thủy sản sang thị trường Trung Quốc những tháng cuối năm 2022 tiếp tục tăng do nhu cầu nhập khẩu thủy sản Trung Quốc tăng để phục vụ lễ hội cuối năm. Bên cạnh đó, đại dịch Covid-19, xung đột Nga – Ukraine khiến cho cước vận tải biển tăng và lạm phát cũng là những thách thức lớn đối với các nhà xuất khẩu thủy sản Trung Quốc. Do vậy, với vị trí địa lý gần sát Trung Quốc, thủy sản Việt Nam sẽ là lựa chọn ưu tiên của các nhà nhập khẩu đại lục này, đặc biệt là mặt hàng cá tra.

## **6. Sản và các sản phẩm từ sản**

Rất nhiều nhà máy chế biến tinh bột sản ở Tây Nguyên đang trong thời kỳ ngừng sản xuất để bảo dưỡng hàng năm trước khi bước vào vụ sản xuất mới. Giá sản nội địa vẫn đang giữ ở mức cao.

Do đồng Nhân dân tệ của Trung Quốc cũng như đồng Baht của Thái Lan mất giá hơn so với VNĐ và đồng USD nên Trung Quốc nhập khẩu nhiều của Thái Lan hơn, giảm mua sản phẩm sản của Việt Nam. Nhu cầu mua tinh bột sản từ Trung Quốc vẫn trầm lắng, dù các cửa khẩu đường bộ đã mở như: Kim Thành (Lào Cai); Tân Thanh và Chi Ma (Lạng Sơn); cầu phao Móng Cái (Quảng Ninh).

## PHỤ LỤC

Bảng 2: Xuất khẩu NLTS của Việt Nam sang Trung Quốc tháng 9/2022

Sản phẩm	Tháng 9.2021 (USD)	Tăng/giảm so T8/2021	Tăng/giảm so T9/2020	Tỷ trọng (%)
<b>Tổng XK NLTS</b>	<b>834.020.428</b>	<b>-13,5%</b>	<b>21,8%</b>	<b>100,0%</b>
Cà phê	8.824.743	29,7%	12,9%	1,1%
Cao su	207.982.835	-13,7%	4,4%	24,9%
Chè	2.627.823	92,0%	157,7%	0,3%
Gạo	50.199.472	89,6%	5,1%	6,0%
Gỗ và SP Gỗ	187.670.322	-33,2%	77,2%	22,5%
Rau quả	92.287.176	-2,2%	-0,9%	11,1%
Hàng thủy sản	146.282.286	2,4%	117,6%	17,5%
Hạt điều	35.387.528	-19,6%	-40,9%	4,2%
Mây tre đan	369.751	-42,9%	-12,3%	0,0%
Sắn & SP sắn	78.465.761	-13,7%	-2,5%	9,4%
TÀGS & NL	23.922.731	-31,0%	12,2%	2,9%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 3: Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng gạo sang Trung Quốc tháng 9/2022

Loại sản phẩm	Tháng 9/2021		Tháng 9/2022		So sánh 2022/2021 (%)	
	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng	Giá trị
Gạo thơm	5.620	3.175.116	58.848	27.074.934	947,1%	752,7%
Gạo nếp	104.501	43.704.796	37.580	18.789.882	-64,0%	-57,0%
Gạo trắng	130	39.945	8.380	3.864.700	6346,2%	9575,0%
Các loại gạo khác	1.458	837.598	760	469.955	-47,9%	-43,9%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

**Bảng 4: Giá trị xuất khẩu một số loại cà phê chính sang Trung Quốc tháng 9/2022**

Mặt hàng	T09/2021 (USD)	T09/2022 (USD)	So sánh 2022/2021
<b>Tổng</b>	<b>7.816.357</b>	<b>8.824.172</b>	12,89%
Cà phê tan	2.187.473	3.847.830	75,90%
Khác	2.665.431	3.616.958	35,70%
Chưa rang chưa khử cafein	2.847.262	1.175.760	-58,71%
Đã rang chưa khử cafein	111.141	183.624	65,22%
Đã rang đã khử cafein	5.049		-100,00%

*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

**Bảng 5: Giá trị xuất khẩu một số loại rau quả chính sang Trung Quốc tháng 9/2022**

Sản phẩm	T9/2021 (USD)	T9/2022 (USD)	So sánh T9.2022/T9.2021
<b>Tổng giá trị XK</b>	<b>93.101.788</b>	<b>92.287.176</b>	<b>-0,9%</b>
Thanh long	52.568.268	37.270.787	-29,1%
Sầu riêng	3.248.192	12.279.800	278,1%
Mít	3.567.828	6.750.143	89,2%
Chuối	5.165.546	4.941.220	-4,3%
Dừa	3.060.114	4.706.202	53,8%
Chanh leo	4.261.589	2.242.081	-47,4%
Xoài	1.692.628	2.038.332	20,4%
Nhãn	2.358.386	1.788.899	-24,1%
Vải	31.627	193.897	513,1%
Khoai lang	92.815	140.882	51,8%
Chôm chôm	46.606	83.657	79,5%
Măng cụt	11.290	10.250	-9,2%
Khác	16.996.898	19.841.025	16,7%

*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

**Bảng 5: Xuất khẩu sản phẩm thủy sản sang thị trường Trung Quốc tháng 9/2022**

Loại sản phẩm	Tháng 9/2022 (USD)	Tháng 9/2022 (USD)	So sánh 2022/21 (%)
<b>Tổng</b>	<b>146.282.286,0</b>	<b>67.210.475,0</b>	<b>117,6%</b>
Cá da trơn	39.035.873,0	13.246.041,0	194,7%
Cua, ghe	6.339.711,5	7.539.625,2	-15,9%
Mực và bạch tuộc	5.613.494,2	4.523.673,9	24,1%
Tôm	62.765.793,8	28.880.536,7	117,3%
Thủy sản khác	31.996.932,2	12.533.763,3	155,3%

*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

**Bảng 6: Xuất khẩu sản phẩm sắn và sản phẩm sắn sang thị trường Trung Quốc tháng 9/2022**

Sản phẩm	T9.2021 (USD)	T9.2022 (USD)	So sánh T9.2022/T9.2021
<b>Tổng giá trị XK</b>	80.499.969	78.465.761	-3%
Tinh bột sắn	74.390.363	76.915.858	3%
Sắn, mì thô, thái lát, đông lạnh	6.109.606	1.549.903	-75%

*Nguồn: Tổng cục Hải quan*